

Former Political Prisoners of Communist VietNam Association

HỘI CỤ TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ CỘNG SẢN VIỆT NAM

HỘI BẤT VỤ LỢI. GP#1380287 ngày 15/7/1986 California

POLITICAL PRISONERS REGISTRATION FORM

(Mẫu ghi tên Tù Nhân Chính Trị)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camp in VietNam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.
Mục đích của mẫu này là xác định những người đã và đang bị giam cầm trong các "Trại Cải Tạo" ở Việt Nam để được nhập vào Hoa Kỳ theo chương trình ra đi có trật tự.)

A. GENERAL BIOGRAPHY: (Photo if available)

(Ảnh tổng quát, kèm ảnh nếu có)

1. Name: (Family name, middle, first) NGUYỄN VĂN GIÁO
(Họ và tên theo thứ tự Việt Nam)
2. Sex: NAM Date of Birth 2-2-1946 Place of birth HÒA AN, CAO LÃNH, KIẾN PHONG
(Phái) (Ngày sinh) (Nơi sinh)
3. Last position Rank, Agency/Unit TRUNG ÚY TRUNG ĐỘI TRƯỞNG PHÁO BÌNH
(Chức vụ/cấp bậc, Cơ quan/Đơn vị cuối cùng) TIỂU KHU KIẾN PHONG

B. ARREST:

(Giảm giữ)

1. Date & Place of Arrest: 20-6-1975 TRẠI 1 QUẬN HUÂN SAĐEC
(Ngày nơi trình diện/bị bắt giữ)
2. Name, Location of Prisons or Re-education Camps: TRẠI 1 QUẬN HUÂN SAĐEC VÀ TRẠI ĐỒNG CÁT ĐỒNG THÁP
(Tên địa điểm các trại giam)
3. Date of release or still in camps: 01-9-1977
(Ngày được thả hay còn bị giam)

C. FAMILY STATUS:

(Tình trạng gia đình)

1. Married or single: CÓ GIA ĐÌNH
(Có gia đình hay độc thân)
2. If married, please complete names of Spouse & Children
(Nếu có gia đình, xin điền thêm người vợ/chồng và các con)
VỢ: LÊ THỊ LAN
CON: NGUYỄN NGỌC LINH
CON: NGUYỄN TRÍ HUỆ
3. Address of family: D: 170C T6/2 PHƯỜNG 4 THỊ XÃ CAO LÃNH TỈNH ĐỒNG THÁP
(Địa chỉ gia đình) VIỆT NAM

D. APPLICANT:

(Người đứng đơn)

1. Name: Occupation:
(Họ và tên) (Nghề nghiệp)
2. Address and phone number:
(Địa chỉ và điện thoại) ASSOCIATION OF FORMER POLITICAL PRISONERS OF COMMUNIST VIET NAM
P.O. BOX 635 WESTMINSTER, CA 92684
3. Relationship with detainee
(Liên hệ với tù nhân cải tạo)
4. Status in USA: Permanent resident ☐ US citizen ☐
(Tình trạng cư trú)
5. Are you willing to sponsor the above detainee (If released)
(Ông, Bà có sẵn sàng đứng ra bảo trợ cho đương sự không?) Yes ☐ No ☐

Date: March 17, 89

(Ngày, tháng, năm)

P. O. BOX 635

WESTMINSTER CALIF

92684-0535

Signature of applicant

(Chữ ký của người đứng đơn)



BỘ TƯ LỆNH QUÂN KHU 9

Thực hiện chính sách khoan hồng của chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam đối với những sỹ quan, hạ sỹ quan, binh lính ngụy và nhân viên ngụy quyền.

- Xét tình thần học tập cải tạo của NGUYỄN VĂN GIẢO nguyên là Trung úy ngụy, trong thời gian qua tỏ ra biết ăn năn hối cải và cố gắng phấn đấu để trở thành người có ích cho đất nước.
- Xét đơn xin bảo lãnh của cha NGUYỄN VĂN PHẢI số 24/11 ấp Hòa Thuận, Hòa An, Thị xã Cao Lãnh đối với sỹ quan ngụy có tên nói trên.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 : Cho Nguyễn Văn Giảo nguyên là Trung úy ngụy quyền được tạm ngưng quân huấn tập trung và cho phép được trở về nhà làm ăn.

Điều 2 : Khi trở về địa phương hoặc tiếp tục làm việc ở các ngành chuyên môn Anh Giảo phải chấp hành tốt mọi quy định về pháp luật và chịu sự quản chế của chính quyền sở địa phương hoặc đơn vị mình làm việc. Thời gian quản chế là Một năm sau thời gian đó nếu được chính quyền địa phương hoặc cơ quan đơn vị làm việc xác nhận là tiến bộ và được chính quyền sở tại đồng ý thì sẽ được chính thức khôi phục quyền công dân.

Điều 3 : Phòng quản huấn Quân Khu. Trại quản huấn Đồng Tháp và đương sự chiếu quyết định thi hành.

Ngày 11 tháng 8 năm 1977

TUQ. BỘ TƯ LỆNH QUÂN KHU 9

GHI CHÚ :

- Giấy này không có giá trị đi đường
- Trong thời gian quản chế, việc qui Thượng Tể : ĐOÀN CÂN THÍNH định bao nhiêu ngày trình diện 1 lần là do chính quyền địa phương xã, phường, quy định.

QUYẾT ĐỊNH NÀY, LÀM THÀNH 4 BẢN

- 1- Phòng quản huấn Quân khu lưu.
- 1- Trại quản huấn
- 1- Ủy Ban nhân dân xã, phường, cơ quan
- 1- Đương sự.

SAO Y BẢN CHÍNH SỐ: 149 / UB
PHƯƠNG TỰ, ngày 29 tháng 11 năm 1988

TM UBND PHƯỜNG
KÍ CHỦ TỊCH
VIÊN THỦ KÝ



Nguyễn Chí Chiêm

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH AN-XUYỀN

QUẬN quận-long

XÃ Tân-xuyên

ẤP TÂN SINH 5

SỐ HIỆU 933

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Lập ngày 03 tháng 5 năm 1973

Nhà in Trần hoàng Tý Anxuyên

Tên họ đứa trẻ Nguyễn-ngọc-linh

Con trai hay con gái nữ

Ngày sanh Ngày một tháng năm dương-lịch năm
một ngàn chín trăm bảy mươi ba (01-5-1973)

Nơi sanh Tân-xuyên (m-xuyên)

Tên họ người cha Nguyễn-van-giáo

Tên họ người mẹ Lê-thị-lan

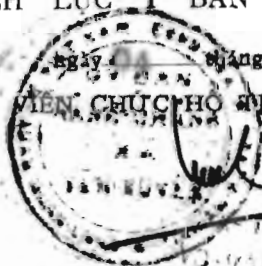
Vợ chánh hay không có hôn thú Số 443 xã Mỹ-Trà ngày
(18-12-1970)

Tên họ người đứng khai Lê-van-hùng

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH



THI-THỰC
Cộng hòa S
HC.23. ngày
tháng năm



TRƯỞNG
VĂN-LIÊNG

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn Hoa An
Thị xã, Huyện Cao Lãnh
Thành phố, Tỉnh Đồng Tháp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu HT3/PS

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 260/TUKS
Quyển số 2/NK 30

Họ và tên	Nguyễn Trí Huệ		Nam, ☒ Nữ
Sinh ngày tháng, năm	Ngày bốn, tháng bốn, năm một ngàn chín trăm bảy mươi bốn.		
Nơi sinh	Xã Hoa An - Quận Cao Lãnh - Tỉnh Đồng Tháp.		
KHAI VỀ CHA, MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày tháng năm sinh)	Nguyễn Văn Giảo 02.02.1946	Lê Thị Lan 05.05.1950	
Dân tộc	Kinh	Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam	
Nghề nghiệp	Làm ruộng	Làm ruộng	
Nơi ĐKNK thường trú	Xã Hòa An, Cao Lãnh	Xã Hòa An, Cao Lãnh	
Họ tên tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn Văn Giảo sinh năm 1946 tại Hòa An Cao Lãnh Tỉnh Đồng Tháp		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 20 tháng 8 năm 1988

TM.UBND Thị trấn A
(Ghi rõ chức vụ, họ tên, ký tên, đóng dấu)

Đăng ký ngày 5 tháng 11 năm 1988

TM.UBND Xã

(Ghi rõ chức vụ, họ tên, ký tên, đóng dấu)

CHỦ TỊCH

An ký: LÊ VĂN XÂY



ỦY VIÊN THỦ KÝ

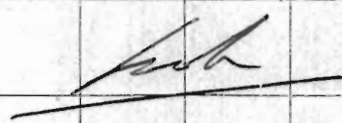
Nguyễn Thị Thiện

DAILY OFFICE TIME RECORD

24

Location Cd.		Super. No.	Department	Payroll Date		Today's Date		Time Record Number	
0		3229	U.Q. TIMEKEEPING	/ /		/ /			
No.	BADGE NUMBER	NAME	INITIALS		TIME		HOURS WORKED	ACCOUNT NUMBER	
			In	Out	In	Out			
1	218538-7	MANH, DO MINH Jr. Clerk Typist						9021-10-011	
2	218700-3	BAO, NGUYEN NGOC Interpreter "B"							
3	218839-9	VINH, TU QUOC Storekeeper "B"							
4	218925-6	THANH, KHAI VAN Jr. Clerk Typist							
5	225904-2	THINH, TRAN VAN Sr. TIMEKEEPER							
6	231310-4	NU, HO PHUOC Sr. Clerk Typist							
7	233881-2	GIAO, NGUYEN VAN Sr. Timekeeper							
8									
9									
10									
11									
12									
13									
14									
15									
16									
17									

TÔI ĐÃ PHỤC VỤ CHO CÔNG TY NÀY
TỪ NĂM 1966 ĐẾN NĂM 1967



HOLMES & NARVER, INC.

ENGINEERS · CONSTRUCTORS

2b, NGUYEN HUY TU
SAIGON, VIETNAM

CABLE ADDRESS : HOWNAN, SAIGON

Messrs.

Tang Khanh Vinh	<u>Nguyen Van Giao</u>	Mai Si Long	Nguyen Dinh Loc
Nguyen Duy Phong	Vo Van Phung	Tran Huu Ba	Nuong Tien Hoa
Pham Van Ton	Ngo Van Ty	Buu Quang Huong	Du Van Man
Tien Quynh Van	Nguyen Van Bay	Nguyen Van Truong	Nguyen Van Sang
Nguyen Van Tam	Le Quang Mang	Ly Van Cho	Truong Van Anh
Vo Van Muoi	Tran Van Trong	Vu Ngoc Thanh	Nguyen Manh Tuong
Pham Van Cac	Dao Dinh Cat	Nguyen Quoc Viet	Nguyen Van Binh
Tran Van Tan	Ly Van Thuong	Vu Van Thuat	Le Van Chinh
Le Van Tro	Pham Doan Trong	Nguyen Van Luong	Tran Huu Hoang
Tran Xuan Dieu	Dinh Van Dang	Vo Van Nam	Vo Van Sanh
Dinh Van Hoang	Nguyen Van Nam	Nguyen Thanh Duong	Nguyen Van Chinh
Nguyen Van Thuyen	Nguyen Van Diem	Nguyen Chau Tuan	Bui Van Tan
Ton Van Dieu	Le Van Can	Tran Ho	Pham Ngoc Thoan
Nguyen Van Be	Nguyen Hoang Trong	Kieu Trong Cuong	Do Van Vinh
Nguyen Van Y	Tran Van Xe	Nguyen Van Hon	Truong Van Kha
Le Minh Chien	Dang Van Ba	Truong Nam	Chu Van Chieu
Pham Van Hai	Nguyen Van Nhang	Nguyen Thi Ngot	Nguyen Van Hop
Nguyen Van Thinh	Nguyen Huu Vi	Pham Chung	Tran Manh Chu
Pham Van Dai	Tran Van Chuc	Le Sinh	Cao Thanh Do
Huynh Truong Sa	Tran Phuong Do	Vuong Van Hoc	Tran Thi Lan
Hoang Xuan Soang	Tran Thi Cod	Vo Van Han	Nguyen V. Mat

TÔI ĐÃ PHỤC VỤ CHO CÔNG TY NÀY
TỪ NĂM 1967 ĐẾN NĂM 1968

h



Nguyễn Văn Sĩ
 SQ 66.168.195
 sinh ngày
 2-2-1946
 Trung Bý phao
 binh
 KHC 4902



Lê Thị Lan
 sinh ngày
 5-5-1950



Nguyễn Ngọc Linh
 sinh ngày
 1-5-1973



Nguyễn Trí Huân
 4-4-1974